

BẢNG ĐIỂM KỲ THI
CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT NÂNG CAO

Ngày Thi: 09/8/2026

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm thực hành				Kết quả	Ghi chú
							PPT NC	Word NC	Excel NC	TB		
1	BKNC11106	Trần Hòa	Ân	22/11/2002	Đồng Nai	6,33	7,0	9,5	10,0	8,83	Đạt	
2	BKNC11107	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	12/05/2004	Nghệ An	7,0	7,0	8,0	5,5	6,83	Đạt	
3	BKNC11108	Trần Thụy Kim	Anh	15/09/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	6,33	9,0	9,5	9,0	9,17	Đạt	
4	BKNC11109	Trương Minh	Anh	27/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	6,67	8,0	9,0	8,5	8,5	Đạt	
5	BKNC11110	Trần Gia	Bảo	18/03/2004	Đồng Tháp	6,33	6,0	6,0	8,0	6,67	Đạt	
6	BKNC11111	Đỗ Mạnh	Cường	14/03/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	9,0	8,0	9,0	8,67	Đạt	
7	BKNC11112	Nguyễn Thị Minh	Diệp	09/05/2006	Hà Nội	9,33	9,0	8,0	9,0	8,67	Đạt	
8	BKNC11113	Ung Thị Mỹ	Hiếu	03/01/2006	Quảng Ngãi	9,33	9,0	9,0	10,0	9,33	Đạt	
9	BKNC11114	Nông Minh	Hoà	23/05/2004	Đồng Nai	9,33	9,0	9,0	7,0	8,33	Đạt	
10	BKNC11115	Trần Thúy	Huỳnh	09/10/2005	Cà Mau	8,33	8,0	9,5	10,0	9,17	Đạt	
11	BKNC11116	Cao Xuân	Khánh	15/11/1987	Tây Ninh	8,33	7,0	9,0	9,0	8,33	Đạt	
12	BKNC11117	Nguyễn Trần	Khiêm	14/07/2002	Đồng Tháp	8,33	7,0	6,0	7,0	6,67	Đạt	
13	BKNC11118	Hồ Thị Thuý	Kiều	26/08/2006	Quảng Ngãi	10,0	9,0	9,5	9,0	9,17	Đạt	
14	BKNC11119	Nguyễn Thị Thùy	Linh	22/03/2006	Đồng Tháp	9,67	9,0	8,0	10,0	9,0	Đạt	
15	BKNC11120	Nguyễn Thị Như	Mơ	17/02/2005	Kiên Giang	8,0	10,0	9,5	9,0	9,5	Đạt	
16	BKNC11121	Ngô Thị Trà	My	25/05/2002	Tây Ninh	7,33	5,0	3,5	5,0	4,5	Không đạt	
17	BKNC11122	Trần Nguyễn Bảo	Ngân	24/11/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	6,0	9,0	8,0	5,0	7,33	Đạt	
18	BKNC11123	Võ Thị Thanh	Ngân	11/03/2006	Tây Ninh	9,67	9,0	9,5	10,0	9,5	Đạt	
19	BKNC11124	Lưu Thanh	Ngọc	21/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	9,0	9,5	10,0	9,5	Đạt	
20	BKNC11125	Trần Ngọc	Nguyễn	05/12/2006	Tây Ninh	8,67	9,0	9,0	9,0	9,0	Đạt	
21	BKNC11126	Huỳnh Thị Thanh	Nhi	18/03/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	7,0	7,0	7,0	7,0	7,0	Đạt	
22	BKNC11127	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	04/12/2004	Gia Lai	4,0	7,0	5,0	1,0	4,33	Không đạt	
23	BKNC11128	Hoàng Từ Thanh	Phương	30/08/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	8,0	9,0	9,0	8,67	Đạt	
24	BKNC11129	Tổng Thị Trúc	Phương	24/10/2006	Đồng Nai	8,67	7,0	9,0	9,0	8,33	Đạt	
25	BKNC11130	Trần Huỳnh Minh	Quân	28/03/2003	Đồng Tháp	7,33	9,0	7,0	7,0	7,67	Đạt	
26	BKNC11131	Nguyễn Thị Mỹ	Quý	20/07/2005	An Giang	8,67	9,5	7,5	9,0	8,67	Đạt	
27	BKNC11132	Nguyễn Thị Phương	Quỳnh	23/03/2006	Tây Ninh	5,33	6,0	6,5	5,5	6,0	Đạt	
28	BKNC11133	Phạm Lê Ngọc Thảo	Quỳnh	02/04/2006	Khánh Hòa	7,67	7,0	9,0	6,0	7,33	Đạt	
29	BKNC11134	Trần Như	Quỳnh	01/01/2005	Lâm Đồng	9,5	7,0	5,0	7,5	6,5	Đạt	
30	BKNC11135	Nguyễn Thị Hồng	Sa	21/02/2006	Đắk Lắk	6,67	0,0	6,0	3,0	3,0	Không đạt	
31	BKNC11136	Lê Phùng Minh	Thi	06/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	9,0	9,0	9,5	9,17	Đạt	
32	BKNC11137	Đặng Lê Anh	Thư	03/11/2005	Đồng Nai	8,33	9,0	9,5	10,0	9,5	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm thực hành				Kết quả	Ghi chú
							PPT NC	Word NC	Excel NC	TB		
33	BKNC11138	Nguyễn Đoàn Anh	Thư	01/09/2005	Thành phố Huế	8,67	7,0	9,0	10,0	8,67	Đạt	
34	BKNC11139	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	22/08/2006	Gia Lai	9,67	7,0	7,0	8,5	7,5	Đạt	
35	BKNC11140	Trần Thị Ngọc	Trâm	04/01/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	7,0	7,0	7,5	8,5	7,67	Đạt	
36	BKNC11141	Trương Thị Tố	Trâm	25/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	9,0	7,0	7,5	7,83	Đạt	
37	BKNC11142	Võ Đoàn Phương	Trâm	20/09/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	8,0	9,0	9,5	8,83	Đạt	
38	BKNC11143	Nguyễn Lưu Bảo	Trinh	19/03/2005	Lâm Đồng	9,0	8,0	7,5	9,0	8,17	Đạt	
39	BKNC11144	Trần Thị Kim	Trúc	07/05/2005	Đồng Tháp	8,67	9,0	8,0	5,5	7,5	Đạt	
40	BKNC11145	Võ Thị	Vân	02/08/2004	Đắk Lắk	9,67	7,0	5,0	4,0	5,33	Không đạt	
41	BKNC11146	Võ Thị Tuyết	Vân	18/09/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	7,0	8,5	10,0	8,5	Đạt	
42	BKNC11147	Đặng Lê Khánh	Vy	20/01/2005	Khánh Hòa	8,33	7,0	9,0	6,5	7,5	Đạt	
43	BKNC11148	Lê Thanh	Vy	09/12/2006	Đồng Nai	9,67	7,0	7,0	8,5	7,5	Đạt	

Ghi chú:

Kết quả Đạt: Điểm trắc nghiệm (Điểm TN)>=5 và Điểm thực hành 3 mô đun >=5

Số lượng thí sinh:

43

Số thí sinh đạt:

39

Số lượng hiện diện:

43

Thư ký Hội đồng

Chủ tịch Hội đồng

Ngô Quang Nhựt

Thoại Nam